

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST  
Ngày: 21 – 7 – 2020  
V/v tranh chấp về phạt vi phạm  
theo hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Bận.
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp về phạt vi phạm theo hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH I; địa chỉ: Xóm L, làng T, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984; trú tại: đường a, Phường b, Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020). Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Trần Nguyễn Thiên A, sinh năm 1998; trú tại: khu phố B, phường L, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 01 tháng 5 năm 2019 Công Ty TNHH I (gọi tắt là Công ty) và bà Trần Nguyễn Thiên A ký "Hợp đồng nghệ sĩ độc quyền số 01-05/2019/HĐNS-Thiên An", theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty sẽ đào tạo độc quyền, đầu tư tài chính, quan hệ xã hội, uy tín và kiến thức chuyên môn để đào tạo bà Trở thành nghệ sĩ đa năng trong lĩnh vực nghệ thuật, thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/5/2019 đến ngày 01/5/2022. Trong thời hạn hợp đồng, Công ty có quyền

khai thác, kinh doanh các sản phẩm nghệ thuật và hình ảnh liên quan đến bà Ava trong thời hạn hợp đồng, nếu bà Aký hợp đồng nghệ sỹ với bên thứ ba hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì sẽ đền bù cho Công ty số tiền 500.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, xây dựng hình ảnh bà A thành một người có tiếng trên các phương tiện thông tin truyền thông, xuất hiện liên tục trên các kênh giải trí, mạng xã hội. Cụ thể, dưới sự tổ chức và định hướng của Công ty, bà A có mặt trên các sản phẩm âm nhạc do Công ty phát hành với hàng trăm triệu lượt xem. Về những chi phí mà Công ty phải trả nhằm mục đích phát triển hình ảnh cho bà A thành người nổi tiếng như bà A đã thừa nhận như chi phí ăn ở, sinh hoạt, đi lại trong nước lẫn nước ngoài để thực hiện đào tạo, tham gia vào các sản phẩm âm nhạc. Vì là đang trong giai đoạn phát triển hình ảnh nên bản thân bà A chưa ký kết hợp đồng biểu diễn nào với đối tác bên ngoài để đem lại lợi nhuận cho Công ty, nên Công ty làm không có chi phí đầu vào để phân chia lợi nhuận với bà A. Công ty cũng hỗ trợ cho bà A khi tham gia trong các sản phẩm âm nhạc do Công ty phát hành.

Tuy nhiên, từ khoảng cuối tháng 11 đến giữa tháng 12/2019 bà Thiên A cắt đứt mọi liên lạc với Công ty. Ngày 15/12/2019 bà A gửi thông báo đề nghị chấm dứt hợp đồng nói trên mà không có lý do chính đáng. Công ty đã liên lạc và gửi văn bản đề nghị bà A đến Công ty để tìm cách giải quyết thanh lý hợp đồng trước thời hạn nhưng bà A không hợp tác.

Do đó Công ty khởi kiện phạt bà A số tiền 500.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

*Chứng cứ, tài liệu bị đơn cung cấp:* Bản sao Hợp đồng nghệ sỹ độc quyền số 01-05/2019/HĐNS-Thien An ngày 01/5/2019; Thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng ngày 15/12/2019 của bà A; Thông báo lần thứ nhất ngày 20/12/2019 v/v thực hiện hợp đồng của Công ty.

- *Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Nguyễn Thiên A trình bày:*

Bà A thông nhất có ký hợp đồng nghệ sỹ độc quyền như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, Công ty không đào tạo bà A trở thành một nghệ sỹ đa năng như hợp đồng đã ký kết. Sau khi ký hợp đồng bà A chỉ được đóng một số MV, Công ty không đào tạo, đầu tư bất cứ kiến thức, diễn xuất, trang phục, chi phí đi lại gì. Ngoài đóng MV, bà A không được tham gia bất cứ hoạt động nào khác trong lĩnh vực giải trí. Sau khi ký hợp đồng, bà A bị kiểm soát tất cả thời gian, sinh hoạt cá nhân, các tài khoản mạng xã hội. Ngoài ra, bà A còn phải thực hiện các công việc khác không có trong hợp đồng như lau dọn, xách đồ, phục vụ các bạn diễn khác. Ngoài ra Công ty chưa thanh toán số tiền công khi tham gia đóng 2 MV cho bà A. Ngày 15/12/2019 bà A đã gửi thông báo hủy bỏ hợp đồng do hoàn cảnh gia đình, sức khỏe tôi bị suy nhược, việc học hành, Công ty đã nhận được thông báo đó nên bà A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Nguyễn Thiên A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo các khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Theo "Hợp đồng nghệ sỹ độc quyền số 01-05/2019/HĐNS-Thien An" ngày 01/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết thì nguyên đơn sẽ đào tạo độc quyền, đầu tư tài chính, quan hệ xã hội, uy tín, kiến thức chuyên môn để đào tạo bà bị đơn trở thành nghệ sỹ đa năng hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/5/2019 đến ngày 01/5/2022. Trong thời hạn hợp đồng, nếu bị đơn ký hợp đồng nghệ sỹ với bên thứ ba hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì sẽ đền bù cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 15/12/2019 bị đơn có văn bản thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng nói trên vì lý do sức khỏe, bận đi học nhưng không cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh. Ngày 20/12/2019 nguyên đơn có văn bản thông báo lần thứ nhất số 01/2019-TB –TA với nội dung “trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, yêu cầu bị đơn liên hệ nguyên đơn để thảo luận về phương án đền bù và hoàn thiện các thủ tục thanh lý hợp đồng một cách hợp pháp. Trước ngày 31/12/2019 đề nghị bị đơn có phản hồi cụ thể”, bị đơn đã nhận được thông báo của nguyên đơn nhưng không có phản hồi và bị đơn cũng thừa nhận không nhận được văn bản nào của nguyên đơn đồng ý chấp dứt hợp đồng này. Từ ngày gửi thông báo về việc hủy hợp đồng cho nguyên đơn, bị đơn không liên lạc hay đến trụ sở của nguyên đơn để thực hiện công việc theo thỏa thuận của hợp đồng, do đó việc bị đơn hủy hợp đồng trước thời hạn mà không được sự đồng ý của nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận. Tuy nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh số tiền thiệt hại cụ thể là những khoản gì nhưng theo Điều 7 của hợp đồng mà hai bên đã ký kết thì nếu bị

đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng sẽ đền bù cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên khi ký kết hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Việc bị đơn trình bày nguyên đơn chưa thanh toán khoản tiền khi tham gia đóng 2 MV nhưng bị đơn cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh và không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Các Điều 26, 35, 36; 39, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Các Điều 116, 117, 274, 275, 385, 398 và 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH I đối với bị đơn bà Trần Nguyễn Thiên A về việc “Tranh chấp về phạt vi phạm theo hợp đồng dân sự”.

Buộc bà Trần Nguyễn Thiên A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH I số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Nguyễn Thiên A phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046373 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

#### **3.** Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND T.P Thuận An;
- Chi cục THADS T.P Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Anh Thi**

